

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TRƯỜNG VĂN NGỰ

Loại hình: Tuyển sinh 10

| STT | SBD | Phòng | Họ tên | Ngày sinh | Giới tính | Lớp | Văn | Ngoại ngữ | Toán | UTKK | Tổng điểm |
|-----|--------|-------|-------------------------|------------|-----------|-----|------|-----------|------|------|-----------|
| 1 | 144855 | 1 | NGUYỄN HOÀNG ANH | 13/02/2005 | Nam | 9/1 | 7.5 | 4.5 | 3 | 0 | 25.5 |
| 2 | 144864 | 2 | NGUYỄN THỊ HOÀI ANH | 29/10/2005 | Nữ | 9/1 | 3.75 | 5.5 | 5.5 | 0 | 24 |
| 3 | 144872 | 2 | PHAN THANH ANH | 26/09/2005 | Nam | 9/1 | 4.25 | 3 | 4 | 0 | 19.5 |
| 4 | 144895 | 3 | TỪ GIA BẢO | 18/10/2005 | Nam | 9/1 | 5.5 | 3.25 | 4.75 | 0 | 23.75 |
| 5 | 144897 | 3 | ĐỖ KHẮC BÌNH | 09/01/2005 | Nam | 9/1 | 7.75 | 4.5 | 8.75 | 0 | 37.5 |
| 6 | 144898 | 3 | NGUYỄN THANH BÌNH | 13/10/2005 | Nam | 9/1 | 4 | 3.25 | 2.75 | 0 | 16.75 |
| 7 | 144929 | 4 | HOÀNG MINH ĐỨC | 10/06/2005 | Nam | 9/1 | 6.5 | 4.25 | 3.25 | 0 | 23.75 |
| 8 | 144944 | 5 | NGUYỄN THÙY DƯƠNG | 26/04/2005 | Nữ | 9/1 | 5.75 | 7.25 | 7 | 0 | 32.75 |
| 9 | 144957 | 5 | NGUYỄN THỊ THANH DUYÊN | 05/08/2005 | Nữ | 9/1 | 7.5 | 4.25 | 3.5 | 0 | 26.25 |
| 10 | 144994 | 7 | HOÀNG TRUNG HIẾU | 14/07/2005 | Nam | 9/1 | 7.75 | 4.75 | 3.25 | 0 | 26.75 |
| 11 | 145035 | 9 | NGUYỄN DIỆU HUY | 04/10/2005 | Nam | 9/1 | 7.5 | 3.5 | 5 | 0 | 28.5 |
| 12 | 145049 | 9 | NGUYỄN NGỌC HUYỀN | 01/04/2005 | Nữ | 9/1 | 8.5 | 7.25 | 6.5 | 0 | 37.25 |
| 13 | 145056 | 10 | NGUYỄN ĐÌNH LÊ KHANG | 04/07/2005 | Nam | 9/1 | 8 | 5 | 3.25 | 0 | 27.5 |
| 14 | 145066 | 10 | NGUYỄN PHI KHÁNH | 25/10/2005 | Nam | 9/1 | 7.75 | 7.25 | 7 | 0 | 36.75 |
| 15 | 145185 | 15 | NGUYỄN THỊ ÁNH NGỌC | 11/12/2005 | Nữ | 9/1 | 6.75 | 4 | 4.25 | 0 | 26 |
| 16 | 145187 | 15 | PHAN LÊ KHÁNH NGỌC | 14/08/2005 | Nữ | 9/1 | 7 | 6.25 | 7.25 | 0 | 34.75 |
| 17 | 145193 | 15 | LÊ NGUYỄN KIM NGUYÊN | 20/04/2005 | Nữ | 9/1 | 7.5 | 3.25 | 3 | 0 | 24.25 |
| 18 | 145214 | 16 | HOÀNG NGUYỄN PHƯƠNG NHI | 17/09/2005 | Nữ | 9/1 | 8.25 | 6.25 | 7.75 | 0 | 38.25 |
| 19 | 145215 | 16 | LÊ NGỌC LINH NHI | 30/06/2005 | Nữ | 9/1 | 8.25 | 7 | 7.25 | 0 | 38 |
| 20 | 145234 | 17 | LÊ LÂM YẾN NHƯ | 15/08/2005 | Nữ | 9/1 | 7.5 | 3 | 3 | 0 | 24 |
| 21 | 145240 | 17 | PHẠM NGỌC QUỲNH NHƯ | 14/09/2005 | Nữ | 9/1 | 8 | 6 | 6 | 0 | 34 |

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TRƯỜNG VĂN NGŨ

Loại hình: Tuyển sinh 10

| | | | | | | | | | | | |
|--|--------|----|-----------------------|------------|-----|-----|------|------|------|---|-------|
| 22 | 145248 | 18 | VÕ AN NINH | 01/11/2005 | Nam | 9/1 | 6.5 | 2.5 | 3.75 | 0 | 23 |
| 23 | 145330 | 21 | PHAN NGUYỄN MINH TÂM | 30/01/2005 | Nam | 9/1 | 5.5 | 7.5 | 6.25 | 0 | 31 |
| 24 | 145339 | 21 | NGUYỄN TUẤN THẠNH | 28/12/2005 | Nam | 9/1 | 5.5 | 3.5 | 4 | 0 | 22.5 |
| 25 | 145348 | 22 | NGUYỄN MAI KIM THẢO | 12/11/2005 | Nữ | 9/1 | 5.75 | 2.25 | 3 | 0 | 19.75 |
| 26 | 145365 | 22 | NGUYỄN GIA THỊNH | 14/08/2005 | Nam | 9/1 | 5.75 | 2 | 6 | 0 | 25.5 |
| 27 | 145375 | 23 | HỒ LỮ ANH THƯ | 08/07/2005 | Nữ | 9/1 | 6.5 | 2 | 3.25 | 1 | 22.5 |
| 28 | 145380 | 23 | NGUYỄN HUY ANH THƯ | 21/02/2005 | Nữ | 9/1 | 8.25 | 6 | 5.25 | 0 | 33 |
| 29 | 145398 | 24 | NGUYỄN NGỌC TÍN | 07/01/2005 | Nam | 9/1 | 8 | 8.75 | 8.25 | 1 | 42.25 |
| 30 | 145407 | 24 | LÊ NGUYỆT TRÂM | 05/08/2005 | Nữ | 9/1 | 8.5 | 7.75 | 4.25 | 0 | 33.25 |
| 31 | 145438 | 26 | HOÀNG LÊ PHƯƠNG TRINH | 04/10/2005 | Nữ | 9/1 | 8.25 | 4.5 | 6.25 | 0 | 33.5 |
| 32 | 145452 | 26 | HOÀNG XUÂN TRUNG | 22/05/2005 | Nam | 9/1 | 6 | 2.5 | 3.25 | 0 | 21 |
| 33 | 145493 | 28 | NGUYỄN YẾN VI | 28/11/2005 | Nữ | 9/1 | 7.75 | 5.75 | 6 | 0 | 33.25 |
| Tổng cộng có tất cả: 33 học sinh. | | | | | | | | | | | |

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020**BẢNG KẾT QUẢ**

Trường: THCS TRƯƠNG VĂN NGỰ

Loại hình: Tuyển sinh 10

| STT | SBD | Phòng | Họ tên | Ngày sinh | Giới tính | Lớp | Văn | Ngoại ngữ | Toán | UTKK | Tổng điểm |
|-----|--------|-------|-----------------------|------------|-----------|-----|-------------|-------------|-------------|----------|--------------|
| 1 | 144845 | 1 | NGUYỄN HOÀNG PHÚC ÂN | 04/09/2005 | Nữ | 9/2 | 8.25 | 5 | 4 | 0 | 29.5 |
| 2 | 144871 | 2 | PHAN NGUYỄN THẾ ANH | 07/05/2005 | Nam | 9/2 | 8.25 | 5 | 6 | 0 | 33.5 |
| 3 | 144878 | 2 | TRẦN THỊ PHƯƠNG ANH | 25/06/2005 | Nữ | 9/2 | 7 | 4.75 | 4.5 | 0 | 27.75 |
| 4 | 144913 | 4 | BÙI HẢI ĐĂNG | 11/11/2005 | Nam | 9/2 | 8 | 6.75 | 5 | 0 | 32.75 |
| 5 | 144943 | 5 | NGUYỄN HỮU TÙNG DƯƠNG | 13/12/2005 | Nam | 9/2 | 8 | 7.25 | 8.5 | 0 | 40.25 |
| 6 | 144956 | 5 | LỮ MỸ DUYÊN | 15/05/2005 | Nữ | 9/2 | 8.75 | 6.25 | 6 | 1 | 36.75 |
| 7 | 144990 | 7 | PHẠM VĂN HẬU | 12/10/2005 | Nam | 9/2 | 7.5 | 3.75 | 3.75 | 0 | 26.25 |
| 8 | 145017 | 8 | HỨA HUY HÙNG | 18/03/2005 | Nam | 9/2 | 6.25 | 4.75 | 4.5 | 0 | 26.25 |
| 9 | 145025 | 8 | DƯƠNG ĐỨC HÙNG | 02/02/2005 | Nam | 9/2 | 6.25 | 3.25 | 6.25 | 0 | 28.25 |
| 10 | 145033 | 9 | LÊ BẢO HUY | 27/05/2005 | Nam | 9/2 | 7.25 | 3 | 4.75 | 0 | 27 |
| 11 | 145047 | 9 | TÙ GIA HUY | 18/08/2005 | Nam | 9/2 | 6.25 | 5.25 | 4.5 | 1 | 27.75 |
| 12 | 145048 | 9 | HUỖNH MINH HUYỀN | 18/04/2005 | Nữ | 9/2 | 7.5 | 4.75 | 4.25 | 0 | 28.25 |
| 13 | 145100 | 11 | LÊ KHÁNH LINH | 02/01/2005 | Nữ | 9/2 | 5 | 3 | 3 | 0 | 19 |
| 14 | 145104 | 12 | NGUYỄN THỊ TRÚC LINH | 27/09/2005 | Nữ | 9/2 | 8 | 5.25 | 5 | 0 | 31.25 |
| 15 | 145110 | 12 | NGUYỄN THỊ KIM LOAN | 26/04/2005 | Nữ | 9/2 | 6.75 | 4.75 | 6 | 0 | 30.25 |
| 16 | 145115 | 12 | TẶNG NGUYỄN HIỆU LỢI | 09/07/2005 | Nữ | 9/2 | 6.5 | 6 | 3 | 0 | 25 |
| 17 | 145183 | 15 | NGUYỄN HẢI NGỌC | 20/06/2005 | Nam | 9/2 | 6 | 4.5 | 6.75 | 0 | 30 |
| 18 | 145228 | 17 | VÕ NGỌC MAI NHI | 16/10/2005 | Nữ | 9/2 | 8.5 | 6.25 | 4.75 | 0 | 32.75 |
| 19 | 145229 | 17 | VÕ NGỌC PHƯƠNG NHI | 04/02/2005 | Nữ | 9/2 | 7.5 | 3.25 | 1.75 | 0 | 21.75 |
| 20 | 145250 | 18 | NGUYỄN THỊ KIM OANH | 21/09/2005 | Nữ | 9/2 | 7.5 | 4.75 | 3.25 | 0 | 26.25 |
| 21 | 145258 | 18 | NGUYỄN ĐỨC PHÁT | 26/04/2005 | Nam | 9/2 | 7.75 | 5.75 | 4.75 | 0 | 30.75 |

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TRƯỜNG VĂN NGŨ

Loại hình: Tuyển sinh 10

| | | | | | | | | | | | |
|--|--------|----|-----------------------|------------|-----|-----|------|------|------|---|-------|
| 22 | 145266 | 18 | HOÀNG XUÂN PHÚC | 07/06/2005 | Nam | 9/2 | 8.5 | 3.5 | 6.25 | 0 | 33 |
| 23 | 145285 | 19 | ĐOÀN HOÀNG QUÂN | 22/03/2005 | Nam | 9/2 | 6.75 | 3.75 | 3.25 | 0 | 23.75 |
| 24 | 145290 | 19 | MAI CHÍ QUỐC | 28/09/2005 | Nam | 9/2 | 8 | 3.5 | 5.25 | 0 | 30 |
| 25 | 145328 | 21 | NGUYỄN ANH TÂM | 09/09/2005 | Nam | 9/2 | 8.25 | 3 | 5.5 | 0 | 30.5 |
| 26 | 145342 | 22 | CAO NGỌC THANH THẢO | 31/03/2005 | Nữ | 9/2 | 8.5 | 4 | 8.5 | 1 | 39 |
| 27 | 145343 | 22 | ĐÀM THỊ THU THẢO | 30/05/2005 | Nữ | 9/2 | 8.75 | 6 | 8.25 | 0 | 40 |
| 28 | 145361 | 22 | TRẦN ĐỖ PHÚC THIÊN | 09/10/2005 | Nam | 9/2 | 6.25 | 5.75 | 6 | 0 | 30.25 |
| 29 | 145383 | 23 | PHẠM NGUYỄN KIM THƯ | 24/02/2005 | Nữ | 9/2 | 7.25 | 2.75 | 2.75 | 0 | 22.75 |
| 30 | 145447 | 26 | PHAN HUỲNH THANH TRÚC | 06/05/2005 | Nữ | 9/2 | 8 | 3.75 | 3.5 | 0 | 26.75 |
| 31 | 145454 | 26 | NGUYỄN MINH TRUNG | 25/07/2005 | Nam | 9/2 | 7 | 3 | 3 | 0 | 23 |
| 32 | 145474 | 27 | VÕ VŨ THANH TÙNG | 24/05/2005 | Nam | 9/2 | 6.5 | 7.75 | 2.5 | 0 | 25.75 |
| 33 | 145492 | 28 | NGUYỄN THỊ TƯỜNG VI | 08/01/2005 | Nữ | 9/2 | 8 | 5.5 | 4 | 0 | 29.5 |
| 34 | 145499 | 28 | LÊ QUANG VINH | 04/07/2005 | Nam | 9/2 | 6.75 | 3 | 2.75 | 0 | 22 |
| Tổng cộng có tất cả: 34 học sinh. | | | | | | | | | | | |

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TRƯƠNG VĂN NGỰ

Loại hình: Tuyển sinh 10

| STT | SBD | Phòng | Họ tên | Ngày sinh | Giới tính | Lớp | Văn | Ngoại ngữ | Toán | UTKK | Tổng điểm |
|-----|--------|-------|-------------------------|------------|-----------|-----|------|-----------|------|------|-----------|
| 1 | 144846 | 1 | BÙI BẢO ANH | 24/03/2005 | Nam | 9/3 | 8 | 9.25 | 4 | 0 | 33.25 |
| 2 | 144882 | 2 | VƯƠNG THỊ TUYẾT ANH | 06/12/2005 | Nữ | 9/3 | 5.5 | 4 | 3.5 | 0 | 22 |
| 3 | 144886 | 3 | DƯƠNG NGUYỄN MINH BẢO | 22/08/2005 | Nam | 9/3 | 7.25 | 4.75 | 4.25 | 0 | 27.75 |
| 4 | 144926 | 4 | VIÊN BỘI ĐÌNH | 23/07/2005 | Nữ | 9/3 | 8.75 | 8.5 | 8 | 1 | 43 |
| 5 | 144959 | 6 | TRẦN THỊ THU DUYÊN | 26/08/2005 | Nữ | 9/3 | 8.75 | 4 | 5.5 | 0 | 32.5 |
| 6 | 144977 | 6 | LÊ HOÀNG GIA HÂN | 06/12/2005 | Nữ | 9/3 | 7.5 | 4.25 | 2.5 | 0 | 24.25 |
| 7 | 144979 | 6 | NGUYỄN HOÀNG MINH HÂN | 01/11/2005 | Nữ | 9/3 | 7.25 | 6.75 | 6.5 | 0 | 34.25 |
| 8 | 144993 | 7 | PHẠM TRỌNG HIỆP | 23/12/2005 | Nam | 9/3 | 7.25 | 2.25 | 4.75 | 0 | 26.25 |
| 9 | 145005 | 7 | MẠNH HUY HOÀNG | 03/12/2005 | Nam | 9/3 | 8.5 | 3.75 | 5 | 0 | 30.75 |
| 10 | 145027 | 8 | TRƯƠNG NGỌC MINH HƯƠNG | 13/09/2005 | Nữ | 9/3 | 7.75 | 6 | 3.25 | 0 | 28 |
| 11 | 145041 | 9 | NGUYỄN QUỐC HUY | 30/10/2005 | Nam | 9/3 | 8 | 6.25 | 8 | 0 | 38.25 |
| 12 | 145043 | 9 | PHẠM NGUYỄN GIA HUY | 11/09/2005 | Nam | 9/3 | 4.25 | 2.25 | 1.5 | 0 | 13.75 |
| 13 | 145054 | 10 | ĐÌNH NGUYỄN HOÀNG KHANG | 08/07/2005 | Nam | 9/3 | 6.25 | 4 | 6.5 | 0 | 29.5 |
| 14 | 145075 | 10 | ĐÌNH NGỌC ANH KHÔI | 09/05/2005 | Nam | 9/3 | 8 | 9.5 | 7.5 | 0 | 40.5 |
| 15 | 145125 | 12 | TRẦN NGÔ HUYỀN MAI | 01/11/2005 | Nữ | 9/3 | 6 | 3.75 | 3.5 | 0 | 22.75 |
| 16 | 145131 | 13 | LÊ HOÀNG TUYẾT MINH | 06/08/2005 | Nữ | 9/3 | 8.25 | 4.75 | 7.5 | 0 | 36.25 |
| 17 | 145137 | 13 | TRẦN HỒ QUANG MINH | 29/10/2005 | Nam | 9/3 | 7.75 | 6 | 5.25 | 0 | 32 |
| 18 | 145144 | 13 | PHAN THỊ THẢO MY | 10/12/2005 | Nữ | 9/3 | 5 | 2 | 1.75 | 0 | 15.5 |
| 19 | 145197 | 15 | TRƯƠNG THẢO NGUYỄN | 09/05/2005 | Nữ | 9/3 | 8.5 | 4 | 2.75 | 0 | 26.5 |
| 20 | 145217 | 16 | NGUYỄN NGỌC YẾN NHI | 15/07/2005 | Nữ | 9/3 | 7.25 | 4.75 | 3 | 0 | 25.25 |
| 21 | 145227 | 17 | VĂN HOÀNG PHƯƠNG NHI | 26/11/2005 | Nữ | 9/3 | 8.5 | 5.5 | 8.25 | 0 | 39 |

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TRƯỜNG VĂN NGŨ

Loại hình: Tuyển sinh 10

| | | | | | | | | | | | |
|--|--------|----|------------------------|------------|-----|-----|------|------|------|---|-------|
| 22 | 145245 | 17 | TÙ NGỌC TÂM NHƯ | 08/11/2005 | Nữ | 9/3 | 8.25 | 7.75 | 5.25 | 0 | 34.75 |
| 23 | 145279 | 19 | PHẠM TRIỀU PHƯƠNG | 04/02/2005 | Nữ | 9/3 | 8.5 | 5.25 | 5.75 | 0 | 33.75 |
| 24 | 145289 | 19 | DƯƠNG NGUYỄN MINH QUỐC | 22/08/2005 | Nam | 9/3 | 8.75 | 5.25 | 4.75 | 0 | 32.25 |
| 25 | 145318 | 21 | NGÔ THÀNH TÀI | 12/09/2005 | Nam | 9/3 | 6 | 3 | 4 | 0 | 23 |
| 26 | 145333 | 21 | HỒ THÀNH THẮNG | 09/03/2005 | Nam | 9/3 | 8 | 6.75 | 5.5 | 0 | 33.75 |
| 27 | 145381 | 23 | NGUYỄN LÝ MINH THƯ | 29/05/2005 | Nữ | 9/3 | 5.75 | 3 | 2 | 0 | 18.5 |
| 28 | 145404 | 24 | DƯƠNG NGỌC TRÂM | 20/08/2005 | Nữ | 9/3 | 6 | 3 | 1.75 | 0 | 18.5 |
| 29 | 145465 | 27 | NGUYỄN HỮU TUẤN | 14/07/2005 | Nam | 9/3 | 5 | 5.25 | 1.75 | 0 | 18.75 |
| 30 | 145473 | 27 | TRẦN ĐÌNH THANH TÙNG | 30/04/2005 | Nam | 9/3 | 7 | 7 | 6.5 | 0 | 34 |
| 31 | 145481 | 27 | TRƯƠNG VÕ NHƯ TUYỀN | 08/07/2005 | Nữ | 9/3 | 6 | 3.75 | 4 | 0 | 23.75 |
| 32 | 145489 | 28 | LÊ THỊ THANH VẠN | 29/03/2005 | Nữ | 9/3 | 9 | 6.25 | 8.5 | 0 | 41.25 |
| 33 | 145506 | 28 | DƯƠNG THÚY VY | 08/06/2005 | Nữ | 9/3 | 8.75 | 7.5 | 4.5 | 0 | 34 |
| 34 | 145527 | 29 | HỒ HẢI YẾN | 02/07/2005 | Nữ | 9/3 | 7.75 | 3.25 | 4.75 | 0 | 28.25 |
| Tổng cộng có tất cả: 34 học sinh. | | | | | | | | | | | |

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020**BẢNG KẾT QUẢ**

Trường: THCS TRƯỜNG VĂN NGŨ

Loại hình: Tuyển sinh 10

| STT | SBD | Phòng | Họ tên | Ngày sinh | Giới tính | Lớp | Văn | Ngoại ngữ | Toán | UTKK | Tổng điểm |
|-----|--------|-------|------------------------|------------|-----------|-----|------|-----------|------|------|-----------|
| 1 | 144840 | 1 | HỒ MINH AN | 09/06/2005 | Nam | 9/4 | 8.25 | 5 | 6.5 | 0 | 34.5 |
| 2 | 144904 | 3 | THÁI HIỀN NGỌC CHÂU | 27/11/2005 | Nữ | 9/4 | 6.25 | 3 | 2.75 | 0 | 21 |
| 3 | 144924 | 4 | NGUYỄN PHÚC ĐIỀN | 01/10/2005 | Nam | 9/4 | 7 | 6 | 7.75 | 0 | 35.5 |
| 4 | 144925 | 4 | NGUYỄN ĐẠT QUANG DINH | 20/12/2005 | Nam | 9/4 | 7 | 2.75 | 3 | 0 | 22.75 |
| 5 | 144928 | 4 | NGUYỄN VŨ PHƯƠNG DOANH | 01/04/2005 | Nữ | 9/4 | 8.25 | 8.25 | 5 | 0 | 34.75 |
| 6 | 144932 | 4 | TRỊNH XUÂN ĐÌNH ĐỨC | 22/06/2004 | Nam | 9/4 | 8 | 4 | 3.25 | 0 | 26.5 |
| 7 | 144933 | 4 | HÀ THỊ THÙY DUNG | 22/11/2005 | Nữ | 9/4 | 8.25 | 2.25 | 2.75 | 0 | 24.25 |
| 8 | 144950 | 5 | VÕ THỊ THÙY DƯƠNG | 25/01/2005 | Nữ | 9/4 | 8.25 | 6.25 | 7.75 | 0 | 38.25 |
| 9 | 144978 | 6 | MAI NGỌC HÂN | 24/12/2005 | Nữ | 9/4 | 6 | 2.25 | 0.75 | 0 | 15.75 |
| 10 | 144980 | 6 | NGUYỄN LÊ BẢO HÂN | 20/10/2005 | Nữ | 9/4 | 8 | 9.5 | 7 | 0 | 39.5 |
| 11 | 145023 | 8 | ĐÀO PHƯỚC HÙNG | 18/12/2005 | Nam | 9/4 | 7.5 | 6 | 7 | 0 | 35 |
| 12 | 145028 | 8 | NGUYỄN THỊ THANH HƯỜNG | 24/09/2005 | Nữ | 9/4 | 5.75 | 4.75 | 2.5 | 0 | 21.25 |
| 13 | 145034 | 9 | LÊ VĂN QUỐC HUY | 26/11/2005 | Nam | 9/4 | 7 | 2.5 | 2.25 | 0 | 21 |
| 14 | 145071 | 10 | NGUYỄN ĐĂNG KHOA | 03/06/2005 | Nam | 9/4 | 7.75 | 5.5 | 4.75 | 0 | 30.5 |
| 15 | 145089 | 11 | LÊ HOÀNG KIM | 29/10/2005 | Nữ | 9/4 | 7.75 | 2.75 | 2.75 | 0 | 23.75 |
| 16 | 145105 | 12 | NGUYỄN THỊ UYÊN LINH | 01/05/2005 | Nữ | 9/4 | 8.75 | 3 | 5.25 | 1 | 32 |
| 17 | 145119 | 12 | NGUYỄN THÀNH LONG | 19/05/2005 | Nam | 9/4 | 7.5 | 4.25 | 2.5 | 0 | 24.25 |
| 18 | 145152 | 14 | TRỊNH QUỐC NAM | 04/03/2005 | Nam | 9/4 | 8.75 | 6.5 | 8 | 1 | 41 |
| 19 | 145163 | 14 | TRẦN THỊ HOÀNG NGÂN | 08/04/2005 | Nữ | 9/4 | 5.5 | 2.75 | 4 | 0 | 21.75 |
| 20 | 145210 | 16 | ĐÀO MAI YẾN NHI | 17/12/2005 | Nữ | 9/4 | 8.25 | 6.25 | 5 | 0 | 32.75 |
| 21 | 145218 | 16 | NGUYỄN THỊ YẾN NHI | 01/03/2005 | Nữ | 9/4 | 8 | 6.25 | 5.5 | 0 | 33.25 |

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TRƯỜNG VĂN NGŨ

Loại hình: Tuyển sinh 10

| | | | | | | | | | | | |
|--|--------|----|--------------------|------------|-----|-----|------|------|------|---|-------|
| 22 | 145233 | 17 | LÂM TÂM NHƯ | 16/11/2005 | Nữ | 9/4 | 8.25 | 5.75 | 3 | 0 | 28.25 |
| 23 | 145259 | 18 | NGUYỄN HOÀNG PHÁT | 21/06/2005 | Nam | 9/4 | 6.5 | 3.75 | 2 | 0 | 20.75 |
| 24 | 145260 | 18 | NGUYỄN THIÊN PHÁT | 08/09/2005 | Nam | 9/4 | 6.25 | 4.75 | 4.75 | 0 | 26.75 |
| 25 | 145264 | 18 | LÊ HOÀNG PHÚ | 27/02/2005 | Nam | 9/4 | 4.25 | 2.25 | 1.5 | 0 | 13.75 |
| 26 | 145291 | 19 | TRẦN THIÊN QUỐC | 24/05/2005 | Nam | 9/4 | 7.25 | 2.5 | 2.75 | 1 | 23.5 |
| 27 | 145357 | 22 | HUỖNH BẢO THI | 20/10/2005 | Nam | 9/4 | 8.25 | 8 | 4.75 | 1 | 35 |
| 28 | 145387 | 23 | TRẦN HỮU THUẬN | 02/09/2005 | Nam | 9/4 | 8.25 | 3.75 | 1.25 | 0 | 22.75 |
| 29 | 145442 | 26 | CAO THỊ THANH TRÚC | 10/10/2005 | Nữ | 9/4 | 8 | 2.75 | 2 | 0 | 22.75 |
| 30 | 145461 | 26 | NGUYỄN LÊ THANH TÚ | 25/07/2005 | Nam | 9/4 | 6 | 2.75 | 3 | 0 | 20.75 |
| 31 | 145505 | 28 | ĐẶNG VÕ KHÁNH VY | 06/10/2005 | Nữ | 9/4 | 8.75 | 6.75 | 8.5 | 0 | 41.25 |
| 32 | 145507 | 28 | HỒ TRẦN THANH VY | 16/01/2005 | Nữ | 9/4 | 8 | 6 | 6.25 | 0 | 34.5 |
| 33 | 145528 | 29 | LÊ PHI YẾN | 23/01/2005 | Nữ | 9/4 | 7.25 | 2.25 | 2 | 0 | 20.75 |
| Tổng cộng có tất cả: 33 học sinh. | | | | | | | | | | | |

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020**BẢNG KẾT QUẢ**

Trường: THCS TRƯƠNG VĂN NGỰ

Loại hình: Tuyển sinh 10

| STT | SBD | Phòng | Họ tên | Ngày sinh | Giới tính | Lớp | Văn | Ngoại ngữ | Toán | UTKK | Tổng điểm |
|-----|--------|-------|------------------------|------------|-----------|-----|------|-----------|------|------|-----------|
| 1 | 144839 | 1 | CHÂU VĨNH AN | 08/12/2005 | Nam | 9/5 | 8 | 6.5 | 7.25 | 1 | 38 |
| 2 | 144883 | 2 | CHÂU NGỌC ÁNH | 12/11/2005 | Nữ | 9/5 | 6.5 | 3.75 | 3.25 | 0 | 23.25 |
| 3 | 144906 | 3 | NGUYỄN THỊ QUẾ CHI | 16/07/2005 | Nữ | 9/5 | 8.25 | 7.25 | 4 | 0 | 31.75 |
| 4 | 144963 | 6 | LÊ THỊ HÀ GIANG | 02/12/2005 | Nữ | 9/5 | 8.75 | 5.25 | 4.5 | 0 | 31.75 |
| 5 | 144973 | 6 | NGUYỄN NHẬT HÀN | 08/10/2004 | Nam | 9/5 | 7.25 | 4.25 | 3.5 | 0 | 25.75 |
| 6 | 144983 | 7 | TRẦN MAI BẢO HÂN | 31/10/2005 | Nữ | 9/5 | 7.25 | 4 | 3.25 | 0 | 25 |
| 7 | 145006 | 8 | NGUYỄN HOÀNG | 10/11/2005 | Nam | 9/5 | 9 | 8 | 9 | 0 | 44 |
| 8 | 145077 | 10 | PHAN LÊ NGUYỄN KHÔI | 11/12/2005 | Nam | 9/5 | 7.75 | 5 | 7.25 | 0 | 35 |
| 9 | 145086 | 11 | VĂN HỮU KIỆT | 24/12/2005 | Nam | 9/5 | 8 | 3.5 | 2.25 | 0 | 24 |
| 10 | 145156 | 14 | ĐẶNG THỊ THANH NGÂN | 03/10/2005 | Nữ | 9/5 | 8.75 | 3.25 | 4.75 | 0 | 30.25 |
| 11 | 145160 | 14 | NGUYỄN THỊ HỒNG NGÂN | 16/12/2005 | Nữ | 9/5 | 7 | 3.75 | 2.25 | 0 | 22.25 |
| 12 | 145178 | 15 | HỒ THỊ BÍCH NGỌC | 04/02/2005 | Nữ | 9/5 | 7.75 | 4.25 | 6.75 | 0 | 33.25 |
| 13 | 145182 | 15 | NGUYỄN DƯƠNG BẢO NGỌC | 07/07/2005 | Nữ | 9/5 | 8.5 | 5.25 | 4.75 | 0 | 31.75 |
| 14 | 145204 | 16 | NGUYỄN VŨ NGỌC NHÂN | 08/03/2005 | Nam | 9/5 | 8.25 | 4.5 | 3.5 | 0 | 28 |
| 15 | 145278 | 19 | NGUYỄN THỊ MỸ PHƯƠNG | 11/04/2005 | Nữ | 9/5 | 8 | 7 | 8.5 | 0 | 40 |
| 16 | 145292 | 19 | HÀ THANH QUÝ | 09/09/2005 | Nam | 9/5 | 5.75 | 4.5 | 4.75 | 0 | 25.5 |
| 17 | 145297 | 20 | NGUYỄN TRỊNH SƠN QUYỀN | 27/01/2005 | Nam | 9/5 | 7.5 | 3.75 | 3.25 | 0 | 25.25 |
| 18 | 145313 | 20 | NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG SƠN | 06/04/2005 | Nam | 9/5 | 8.25 | 6.75 | 7 | 0 | 37.25 |
| 19 | 145344 | 22 | ĐINH THANH THẢO | 03/07/2005 | Nữ | 9/5 | 8 | 3.25 | 3.75 | 0 | 26.75 |
| 20 | 145354 | 22 | PHẠM THỊ HIẾU THẢO | 12/03/2005 | Nữ | 9/5 | 7.25 | 3.75 | 2.75 | 0 | 23.75 |
| 21 | 145367 | 23 | PHẠM PHÚ THỊNH | 01/10/2005 | Nam | 9/5 | 6.75 | 3.25 | 5.75 | 0 | 28.25 |

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TRƯỜNG VĂN NGŨ

Loại hình: Tuyển sinh 10

| | | | | | | | | | | | |
|--|--------|----|-------------------------|------------|-----|-----|-------------|-------------|-------------|----------|--------------|
| 22 | 145413 | 24 | ĐOÀN TUỆ TRÂN | 14/03/2005 | Nữ | 9/5 | 9 | 8.5 | 7 | 0 | 40.5 |
| 23 | 145421 | 25 | ĐẶNG NGỌC YẾN TRANG | 26/09/2005 | Nữ | 9/5 | 7.5 | 6.75 | 4.75 | 0 | 31.25 |
| 24 | 145429 | 25 | HỒ MINH TRÍ | 16/09/2005 | Nam | 9/5 | 6.75 | 2.75 | 4.75 | 0 | 25.75 |
| 25 | 145439 | 26 | PHÙNG THÁI PHƯƠNG TRINH | 04/04/2005 | Nữ | 9/5 | 7.25 | 3.75 | 4.25 | 0 | 26.75 |
| 26 | 145448 | 26 | VÕ KHÁNH TRÚC | 06/03/2005 | Nữ | 9/5 | 7.5 | 7.5 | 7.5 | 0 | 37.5 |
| 27 | 145517 | 29 | PHẠM NGỌC TƯỜNG VY | 15/12/2005 | Nữ | 9/5 | 6.25 | 3.25 | 1.5 | 0 | 18.75 |
| 28 | 145518 | 29 | PHẠM VŨ THẢO VY | 01/03/2005 | Nữ | 9/5 | 7 | 5 | 3 | 0 | 25 |
| 29 | 145529 | 29 | NGUYỄN NGỌC HẢI YẾN | 16/11/2005 | Nữ | 9/5 | 8 | 4 | 4.75 | 0 | 29.5 |
| Tổng cộng có tất cả: 29 học sinh. | | | | | | | | | | | |

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020**BẢNG KẾT QUẢ**

Trường: THCS TRƯỜNG VĂN NGŨ

Loại hình: Tuyển sinh 10

| STT | SBD | Phòng | Họ tên | Ngày sinh | Giới tính | Lớp | Văn | Ngoại ngữ | Toán | UTKK | Tổng điểm |
|-----|--------|-------|-----------------------|------------|-----------|-----|------|-----------|------|------|-----------|
| 1 | 144866 | 2 | NGUYỄN THỊ TRÂM ANH | 14/06/2005 | Nữ | 9/6 | 7.75 | 4.75 | 3.5 | 0 | 27.25 |
| 2 | 144885 | 2 | ĐẶNG TRẦN THIÊN BẢO | 25/03/2005 | Nam | 9/6 | 6.5 | 8.25 | 6 | 0 | 33.25 |
| 3 | 144888 | 3 | LÊ QUỐC BẢO | 09/01/2005 | Nam | 9/6 | 7.25 | 7.75 | 7.25 | 0 | 36.75 |
| 4 | 144899 | 3 | QUÁCH MỘC TRƯƠNG CANG | 23/10/2005 | Nam | 9/6 | 5 | 1.25 | 0.75 | 1 | 13.75 |
| 5 | 144907 | 3 | NGUYỄN VIỄN CHÍ | 21/05/2005 | Nam | 9/6 | 8 | 5.75 | 5.75 | 0 | 33.25 |
| 6 | 144914 | 4 | NGUYỄN THÀNH DANH | 01/03/2005 | Nam | 9/6 | 3.5 | 2 | 2.25 | 0 | 13.5 |
| 7 | 144916 | 4 | ĐẶNG THÀNH ĐẠT | 09/01/2005 | Nam | 9/6 | 5.25 | 2.5 | 2 | 0 | 17 |
| 8 | 144939 | 5 | PHÍ ANH DŨNG | 23/11/2005 | Nam | 9/6 | 6.75 | 5.75 | 3.75 | 0 | 26.75 |
| 9 | 144945 | 5 | NGUYỄN VÕ ÁNH DƯƠNG | 12/04/2005 | Nữ | 9/6 | 8.5 | 5.5 | 2.25 | 0 | 27 |
| 10 | 144958 | 6 | PHAN THỊ MỸ DUYÊN | 30/05/2005 | Nữ | 9/6 | 8.5 | 4.75 | 2.5 | 0 | 26.75 |
| 11 | 144985 | 7 | NGUYỄN THỊ THANH HẰNG | 17/08/2005 | Nữ | 9/6 | 7.25 | 5.75 | 4.25 | 0 | 28.75 |
| 12 | 145004 | 7 | ĐỖ MINH HOÀNG | 17/05/2005 | Nam | 9/6 | 8.5 | 4.25 | 8.25 | 0 | 37.75 |
| 13 | 145052 | 9 | PHAN HOÀNG KHA | 30/03/2005 | Nam | 9/6 | 7.5 | 8.5 | 8.25 | 0 | 40 |
| 14 | 145061 | 10 | CHÂU NGỌC THỤY KHANH | 04/06/2005 | Nữ | 9/6 | 4.75 | 2.75 | 1.5 | 0 | 15.25 |
| 15 | 145091 | 11 | MAI THANH LÂM | 08/12/2005 | Nam | 9/6 | 4 | 3.75 | 2.25 | 0 | 16.25 |
| 16 | 145092 | 11 | VÕ HOÀNG MINH LÂM | 09/02/2005 | Nam | 9/6 | 4.5 | 2.75 | 1.25 | 0 | 14.25 |
| 17 | 145190 | 15 | TRẦN PHƯƠNG BẢO NGỌC | 01/04/2005 | Nữ | 9/6 | 8.25 | 5.25 | 6.5 | 0 | 34.75 |
| 18 | 145206 | 16 | THẠCH NHÂN | 17/06/2004 | Nam | 9/6 | 5.25 | 3.75 | 1.75 | 1 | 18.75 |
| 19 | 145209 | 16 | BÙI TUỆ NHI | 30/03/2005 | Nữ | 9/6 | 5.75 | 3.25 | 2 | 0 | 18.75 |
| 20 | 145221 | 16 | PHẠM NGỌC UYÊN NHI | 24/06/2005 | Nữ | 9/6 | 8.75 | 5.75 | 6 | 0 | 35.25 |
| 21 | 145237 | 17 | NGUYỄN NGỌC QUỲNH NHƯ | 28/09/2005 | Nữ | 9/6 | 8.25 | 7 | 5 | 0 | 33.5 |

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TRƯỜNG VĂN NGŨ

Loại hình: Tuyển sinh 10

| | | | | | | | | | | | |
|--|--------|----|-------------------------|------------|-----|-----|------|------|------|---|-------|
| 22 | 145249 | 18 | NGUYỄN KIM OANH | 23/03/2005 | Nữ | 9/6 | 8.5 | 4 | 3.75 | 0 | 28.5 |
| 23 | 145252 | 18 | ĐỖ HỒNG PHÁT | 18/07/2005 | Nam | 9/6 | 7.5 | 5.25 | 6 | 0 | 32.25 |
| 24 | 145300 | 20 | NGUYỄN NGỌC NHƯ QUỲNH | 28/04/2005 | Nữ | 9/6 | 8 | 7.5 | 8.75 | 0 | 41 |
| 25 | 145350 | 22 | NGUYỄN THÁI NGUYỄN THẢO | 01/12/2005 | Nữ | 9/6 | 7.25 | 3.25 | 5.25 | 0 | 28.25 |
| 26 | 145419 | 25 | PHAN ĐOÀN MỸ TRÂN | 28/05/2005 | Nữ | 9/6 | 8.75 | 7.25 | 7 | 0 | 38.75 |
| 27 | 145450 | 26 | NGUYỄN CÔNG TRỰC | 08/12/2005 | Nam | 9/6 | 6.5 | 7 | 5.75 | 0 | 31.5 |
| 28 | 145460 | 26 | NGUYỄN HỒ HOÀNG TÚ | 16/03/2005 | Nữ | 9/6 | 6.5 | 5 | 7.25 | 0 | 32.5 |
| 29 | 145476 | 27 | NGUYỄN NGỌC TUYỀN | 03/10/2005 | Nữ | 9/6 | 7.25 | 5.5 | 5 | 0 | 30 |
| 30 | 145496 | 28 | VŨ ĐÌNH VĨ | 04/05/2005 | Nam | 9/6 | 5 | 2.75 | 3.25 | 0 | 19.25 |
| 31 | 145498 | 28 | ĐỖ QUANG VINH | 07/11/2003 | Nam | 9/6 | 5.5 | 1.5 | 2.25 | 0 | 17 |
| 32 | 145509 | 28 | LÊ NGỌC THẢO VY | 19/04/2005 | Nữ | 9/6 | 8.25 | 4.5 | 5.25 | 0 | 31.5 |
| Tổng cộng có tất cả: 32 học sinh. | | | | | | | | | | | |

